

Công ty Cổ phần Tập đoàn  
Thiên Long

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở giao dịch Chứng khoán Tp.HCM

Công ty: Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long

Trụ sở chính: Lô 6-8-10-12, Đường số 3, KCN Tân Tạo, Q Bình Tân, TPHCM

Điện thoại: (08) 37505555 – ext: 183

Fax: (08) 37505577

Người thực hiện công bố thông tin: Hồ Ngọc Cảnh

Địa chỉ: Lô 6-8-10-12, Đường số 3, KCN Tân Tạo, Q Bình Tân, TPHCM

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0908419093

Fax: (08) 37505577

Loại thông tin công bố:  24h  72h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ

(công ty đánh dấu X vào mục cần công bố)

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính riêng Công ty mẹ Quý 3 năm 2016;
- Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3 năm 2016.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 31/10/2016 tại đường dẫn <http://www.thienlonggroup.com/quan-he-co-dong> của công ty

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Ngày 31 tháng 10 năm 2016

Người thực hiện công bố thông tin

(Ký, ghi rõ họ tên)



**HỒ NGỌC CẢNH**



## Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3 năm 2016

Ngày 30 tháng 9 năm 2016



**MỤC LỤC**

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	3 - 4
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	5
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	6 - 7
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	8 - 32

# Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103003187 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 14 tháng 3 năm 2005 và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau:

<u>Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh</u>	<u>Ngày</u>
Điều chỉnh lần 2	Ngày 6 tháng 4 năm 2007
Điều chỉnh lần 3	Ngày 15 tháng 10 năm 2007
Điều chỉnh lần 4	Ngày 28 tháng 3 năm 2008
Điều chỉnh lần 5	Ngày 5 tháng 7 năm 2011
Điều chỉnh lần 6	Ngày 11 tháng 8 năm 2011
Điều chỉnh lần 7	Ngày 18 tháng 12 năm 2012
Điều chỉnh lần 8	Ngày 23 tháng 9 năm 2013
Điều chỉnh lần 9	Ngày 21 tháng 11 năm 2013
Điều chỉnh lần 10	Ngày 30 tháng 1 năm 2015
Điều chỉnh lần 11	Ngày 31 tháng 7 năm 2015
Điều chỉnh lần 12	Ngày 21 tháng 3 năm 2016

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy phép số 20/QĐ-SGDHCM ngày 2 tháng 2 năm 2010 do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") là sản xuất và kinh doanh văn phòng phẩm, dụng cụ học sinh, đồ dùng dạy học bằng nhựa, hàng nhựa gia dụng, in ấn nhãn hiệu, in lụa và in ấn các loại bao bì và các sản phẩm.

Công ty có trụ sở chính và nhà máy tại Lô 6-8-10-12, Đường số 3, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Cô Gia Thọ	Chủ tịch
Ông Trần Kim Thành	Phó Chủ tịch
Ông Trần Lệ Nguyên	Thành viên
Ông Huỳnh Văn Thiện	Thành viên
Bà Trần Thái Như	Thành viên
Bà Cô Ngân Bình	Thành viên
Ông Võ Văn Thành Nghĩa	Thành viên
Bà Cô Cẩm Nguyệt	Thành viên
Ông Trần Văn Hùng	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Bích Ngà	Trưởng ban
Ông Lý Văn Dũ	Thành viên
Ông Tạ Hoàng Sơn	Thành viên

# Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Võ Văn Thành Nghĩa	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Tâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Văn Hương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Nhật Phương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thượng Việt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hồ Ngọc Cảnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Trung Hiệp	Phó Tổng Giám đốc

## NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Cô Gia Thọ.  
Ông Võ Văn Thành Nghĩa được Ông Cô Gia Thọ ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016.

11.21  
11.21  
11.21

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2016


VND


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 9 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.063.712.237.370</b>	<b>958.248.997.265</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>499.193.724.560</b>	<b>426.351.225.090</b>
111	1. Tiền		115.193.724.560	162.351.225.090
112	2. Các khoản tương đương tiền		384.000.000.000	264.000.000.000
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>150.131.637.666</b>	<b>99.927.269.298</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	128.410.106.678	75.881.388.348
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	16.533.513.255	20.865.661.875
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	6.086.732.846	4.824.515.845
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.1	(898.715.113)	(1.644.296.770)
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>7</b>	<b>400.217.668.997</b>	<b>420.294.380.388</b>
141	1. Hàng tồn kho		421.332.578.284	447.230.376.821
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(21.114.909.287)	(26.935.996.433)
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>14.169.206.147</b>	<b>11.676.122.489</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	7.913.991.670	3.436.331.283
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		2.454.906.054	4.439.482.783
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		3.800.308.423	3.800.308.423
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>368.621.167.270</b>	<b>334.749.277.255</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>2.231.130.852</b>	<b>2.469.355.128</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	2.231.130.852	2.469.355.128
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>293.819.043.190</b>	<b>197.960.192.119</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	203.656.916.853	165.367.270.000
222	Nguyên giá		532.441.490.721	469.572.480.392
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(328.784.573.868)	(304.205.210.392)
227	2. Tài sản vô hình	10	90.162.126.337	32.592.922.119
228	Nguyên giá		112.328.247.893	50.604.022.826
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(22.166.121.556)	(18.011.100.707)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>6.693.881.798</b>	<b>6.505.835.232</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	6.693.881.798	6.505.835.232
<b>250</b>	<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>12</b>	<b>20.169.810.624</b>	<b>20.169.810.624</b>
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		30.685.000.000	30.685.000.000
254	2. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(10.515.189.376)	(10.515.189.376)
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>45.707.300.806</b>	<b>107.644.084.152</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	15.883.149.409	83.015.094.668
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	25.2	29.824.151.397	24.628.989.484
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.432.333.404.640</b>	<b>1.292.998.274.520</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2016

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 9 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>475.648.423.930</b>	<b>471.354.785.048</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>429.916.730.468</b>	<b>404.618.283.947</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		123.463.357.717	91.698.607.820
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		4.218.324.588	9.422.715.397
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	25.385.255.266	16.827.178.655
314	4. Phải trả người lao động		13.864.991.140	12.900.426.298
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	78.549.414.094	34.435.692.139
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	4.555.390.048	33.071.555.894
320	7. Vay ngắn hạn	16	161.983.472.292	199.022.130.814
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		17.896.525.323	7.239.976.930
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>45.731.693.462</b>	<b>66.736.501.101</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác		87.000.000	75.500.000
338	2. Vay dài hạn	16	21.082.005.862	43.881.628.801
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn	17	24.562.687.600	22.779.372.300
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>956.684.980.710</b>	<b>821.643.489.472</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>18</b>	<b>956.684.980.710</b>	<b>821.643.489.472</b>
411	1. Vốn cổ phần		383.126.720.000	294.714.640.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		383.126.720.000	294.714.640.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		128.217.023.000	128.217.023.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		97.075.895.498	78.290.097.498
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		348.265.342.212	320.421.728.974
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		153.617.482.353	174.256.301.661
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		194.647.859.859	146.165.427.313
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.432.333.404.640</b>	<b>1.292.998.274.520</b>

  
Bùi Thị Cẩm Loan  
Người lập

  
Hồ Ngọc Cảnh  
Kế toán trưởng

  
Võ Văn Thành Nghĩa  
Tổng Giám đốc



Ngày 28 tháng 10 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT  
cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 3 năm 2016	Quý 3 năm 2015	9 tháng năm 2016	9 tháng năm 2015
01	1. Doanh thu bán hàng	20.1	605.586.678.881	577.376.971.345	1.661.578.135.643	1.440.105.911.559
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20.1	(2.343.671.800)	(4.272.337.655)	(8.912.843.693)	(17.254.988.667)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng	20.1	603.243.007.081	573.104.633.690	1.652.665.291.950	1.422.850.922.892
11	4. Giá vốn hàng bán		(360.076.025.641)	(341.716.671.371)	(995.343.694.446)	(869.846.419.101)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		243.166.981.440	231.387.962.319	657.321.597.504	553.004.503.791
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	5.516.025.957	5.245.300.525	13.252.145.119	12.390.467.811
22	7. Chi phí tài chính	21	(2.680.215.478)	(5.297.696.425)	(11.735.404.679)	(13.457.623.875)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(2.313.269.525)	(2.805.648.948)	(8.340.520.475)	(7.988.895.118)
25	8. Chi phí bán hàng	22	(93.296.727.584)	(81.877.769.846)	(231.650.892.925)	(202.791.896.979)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(60.382.352.940)	(45.451.869.446)	(167.180.544.239)	(132.033.970.342)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		92.323.711.395	104.005.927.127	260.006.900.780	217.111.480.406
31	11. Thu nhập khác	23	919.490.318	1.371.191.411	4.874.691.591	4.001.358.117
32	12. Chi phí khác	23	1.242.240.609	(3.724.085.376)	(974.855.352)	(3.841.755.716)
40	13. Lợi nhuận khác	23	2.161.730.927	(2.352.893.965)	3.899.836.239	159.602.401
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		94.485.442.322	101.653.033.162	263.906.737.019	217.271.082.807
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.1	(21.855.845.482)	(21.345.824.453)	(55.039.386.309)	(51.115.321.642)
52	16. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	25.2	4.641.642.751	(1.964.919.427)	5.195.161.913	1.397.478.232
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		77.271.239.591	78.342.289.282	214.062.512.623	167.553.239.397
61	18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		77.271.239.591	78.342.289.282	214.062.512.623	167.553.239.397
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	19	-	-	4.917	3.936
71	20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	19	-	-	4.917	3.936

  
Bùi Thị Cẩm Loan  
Người lập

  
Hồ Ngọc Cảnh  
Kế toán trưởng



  
Võ Văn Thành Nghĩa  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 10 năm 2016



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT  
cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 3 năm 2016	Quý 3 năm 2015	9 tháng năm 2016	9 tháng năm 2015
<b>01</b>	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>					
	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>94.485.442.322</b>	<b>101.653.033.162</b>	<b>263.906.737.019</b>	<b>217.271.082.807</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>					
02	Khấu hao và hao mòn		11.790.666.129	10.229.285.874	32.136.600.367	28.909.861.532
03	(Hoán nhập) trích lập các khoản dự phòng		(5.828.118.008)	2.218.450.573	(6.566.668.803)	4.309.497.759
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	21	(1.054.771.584)	113.357.194	-	371.096.715
05	Lãi (lỗ) từ hoạt động đầu tư		(4.686.386.666)	7.070.254	(11.806.846.218)	(5.786.102.122)
06	Chi phí lãi vay	21	2.313.269.525	2.805.648.948	8.340.520.475	7.988.895.118
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>97.020.101.718</b>	<b>117.026.846.005</b>	<b>286.010.342.840</b>	<b>253.064.331.809</b>
09	Giảm các khoản phải thu		62.799.235.201	56.214.139.220	(46.831.714.188)	(39.076.782.515)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(27.369.754.741)	12.497.378.575	25.897.798.537	17.355.897.818
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		15.468.343.642	(1.776.052.707)	65.982.445.665	25.998.214.904
12	Giảm chi phí trả trước		63.516.069.389	1.718.274.575	62.654.284.872	385.722.851
14	Tiền lãi vay đã trả		(2.325.415.032)	(2.788.919.254)	(8.522.381.249)	(8.094.022.289)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	25.1	(18.567.465.620)	(19.078.160.075)	(41.225.762.240)	(38.618.656.765)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(7.217.831.016)	(6.078.686.000)	(30.635.372.965)	(26.120.810.948)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh</b>		<b>183.323.283.541</b>	<b>157.734.820.339</b>	<b>313.329.641.272</b>	<b>184.893.894.865</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>					
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(31.394.465.811)	(80.680.147.150)	(124.187.476.711)	(107.947.961.966)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		111.363.636	371.091.364	1.213.157.273	1.050.221.273
27	Tiền lãi và cổ tức đã nhận		3.816.287.256	2.134.862.412	10.107.801.697	8.582.837.208
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(27.466.814.919)</b>	<b>(78.174.193.374)</b>	<b>(112.866.517.741)</b>	<b>(98.314.903.485)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>					
33	Tiền thu từ đi vay		151.577.052.303	177.095.929.576	417.058.908.136	463.291.072.886
34	Tiền chi trả nợ vay		(184.795.006.781)	(134.269.163.079)	(476.897.189.597)	(407.033.979.262)
36	Chi trả cổ tức	18.2	(38.312.673.000)	(40.179.452.025)	(67.782.342.600)	(53.572.572.775)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(71.530.627.478)</b>	<b>2.647.314.472</b>	<b>(127.620.624.061)</b>	<b>2.684.520.849</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 3 năm 2016	Quý 3 năm 2015	9 tháng năm 2016	9 tháng năm 2015
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		84.325.841.144	82.207.941.437	72.842.499.470	89.263.512.229
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		414.700.447.708	324.248.855.053	426.351.225.090	317.197.238.004
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		167.435.708	13.170.456	-	9.216.713
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	499.193.724.560	406.469.966.946	499.193.724.560	406.469.966.946



Bùi Thị Cẩm Loan  
Người lập



Hồ Ngọc Cảnh  
Kế toán trưởng



Võ Văn Thành Nghĩa  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 10 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

vào ngày và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

**1. THÔNG TIN CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103003187 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH&ĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 3 năm 2005 và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau:

<u>Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh:</u>	<u>Ngày</u>
Điều chỉnh lần 2	Ngày 6 tháng 4 năm 2007
Điều chỉnh lần 3	Ngày 15 tháng 10 năm 2007
Điều chỉnh lần 4	Ngày 28 tháng 3 năm 2008
Điều chỉnh lần 5	Ngày 5 tháng 7 năm 2011
Điều chỉnh lần 6	Ngày 11 tháng 8 năm 2011
Điều chỉnh lần 7	Ngày 18 tháng 12 năm 2012
Điều chỉnh lần 8	Ngày 23 tháng 9 năm 2013
Điều chỉnh lần 9	Ngày 21 tháng 11 năm 2013
Điều chỉnh lần 10	Ngày 30 tháng 1 năm 2015
Điều chỉnh lần 11	Ngày 31 tháng 7 năm 2015
Điều chỉnh lần 12	Ngày 21 tháng 3 năm 2016

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 20/QĐ-SGDHCM ngày 2 tháng 2 năm 2010 do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") là sản xuất và kinh doanh văn phòng phẩm, dụng cụ trường học, dụng cụ giảng dạy bằng nhựa, đồ dùng gia dụng bằng nhựa, in ấn nhãn hiệu, in lụa và in ấn các loại bao bì và các sản phẩm.

Công ty có trụ sở chính và nhà máy tại Lô 6-8-10-12, Đường số 3, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

**Cơ cấu tổ chức**

Công ty có 5 công ty con, trong đó:

Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thiên Long Long Thành ("TLLT") là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 472031000036 do Ban Quản lý Khu Công nghiệp Đồng Nai cấp ngày 20 tháng 12 năm 2005. TLLT có trụ sở chính tại Đường số 7, Khu Công nghiệp Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động chính của TLLT là sản xuất và kinh doanh văn phòng phẩm.

Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại và Dịch vụ Thiên Long Hoàn Cầu ("TLGTS") là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4104002492 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 1 năm 2007. TLGTS có trụ sở chính tại Lô 6-8-10-12, Đường Số 3, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của TLGTS là kinh doanh văn phòng phẩm.

Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Dịch vụ Tân Lực Miền Bắc ("TLNTS") là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0105012605 do Sở KH&ĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 19 tháng 11 năm 2010. TLNTS có trụ sở chính tại Tầng 2 Lô 9B, Khu đô thị Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Hoạt động chính của TLNTS là kinh doanh văn phòng phẩm và thiết bị văn phòng.

Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Dịch vụ Tân Lực Miền Nam ("TLTS") là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0309489650 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19 tháng 11 năm 2009. TLTS có trụ sở chính tại số 19 - 21 Lô B, Đường Trường Sơn, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của TLTS là kinh doanh văn phòng phẩm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

**1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)**

***Cơ cấu tổ chức*** (tiếp theo)

Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Dịch vụ Tân Lực Miền Trung ("TLM") là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0401708745 do Sở KH&ĐT Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 1 tháng 12 năm 2015. TLM có trụ sở chính tại Lô 7 – Khu B1, Đường Hà Huy Tập, Phường Thanh Xuân, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. Hoạt động chính của TLM là kinh doanh văn phòng phẩm.

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng***

Báo cáo tài chính trong kỳ của Tập đoàn được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính trong kỳ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất trong kỳ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thống lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thống lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng***

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

**2.3 *Kỳ kế toán năm***

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán***

Báo cáo tài chính hợp nhất trong kỳ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tập đoàn là VND.

**2.5 *Cơ sở hợp nhất***

Báo cáo tài chính hợp nhất trong kỳ bao gồm các báo cáo tài chính trong kỳ của Công ty mẹ và các công ty con cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính trong kỳ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

[Handwritten signature/initials]

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.5 Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)**

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán trong kỳ giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KÊ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- |   |   |
|---|---|
| Nguyên vật liệu, hàng hóa                         | - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.   |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất trong kỳ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi căn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo tài chính hợp nhất trong kỳ.

101 4 4 6 1 21

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

**3.5 Tài sản vô hình**

Tài sản vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ khi phát sinh.

Khi tài sản vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

*Quyền sử dụng đất*

Giá trị của quyền sử dụng đất được mua và tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45"). Quyền sử dụng đất không được trích khấu hao vì có thời gian sử dụng vô thời hạn.

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 7 năm
Phương tiện vận tải	6 - 8 năm
Thiết bị văn phòng	2 - 7 năm
Khuôn	3 - 4 năm
Phần mềm máy tính	3 - 10 năm
Bản quyền, bằng sáng chế	3 năm
Tài sản vô hình khác	3 năm

Theo định kỳ, thời gian hữu dụng ước tính của tài sản và tỷ lệ khấu hao được xem xét lại nhằm đảm bảo rằng phương pháp và thời gian trích khấu hao và hao mòn nhất quán với lợi ích kinh tế dự kiến sẽ thu được từ việc sử dụng tài sản.

**3.7 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn và được hạch toán như chi phí trong kỳ khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất trong kỳ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

*Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của các khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất ký với Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành vào ngày 6 tháng 2 năm 2007 trong thời hạn 46 năm. Theo Thông tư 45, các khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

**3.9 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư khác vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

**3.10 Các khoản phải trả và trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.11 Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Tập đoàn được hơn 12 tháng tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ VND sử dụng trong kế toán của Tập đoàn được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

**3.13 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Tập đoàn và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

▶ *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu.

▶ *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất trong kỳ.

**3.14 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

THIÊN LONG S.D.V



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.15 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất trong kỳ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét lại vào ngày ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi các đơn vị nộp thuế có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp của cùng một đơn vị nộp thuế và được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.16 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Tiền mặt	2.269.207.450	1.907.709.497
Tiền gửi ngân hàng	112.924.517.110	160.443.515.593
Các khoản tương đương tiền (*)	384.000.000.000	264.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>499.193.724.560</b>	<b>426.351.225.090</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn tại ngân hàng thương mại có thời hạn gốc dưới ba (3) tháng và hưởng lãi suất theo mức lãi suất áp dụng.

**5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

**5.1 Phải thu ngắn hạn khách hàng**

	VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Crayola LLC	13.999.948.084	7.438.907.258
Khác	114.410.158.594	68.442.481.090
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>128.410.106.678</b>	<b>75.881.388.348</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(898.715.113)	(1.644.296.770)
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>	<b>127.511.391.565</b>	<b>74.237.091.578</b>

Như được trình bày trong Thuyết minh số 16, Tập đoàn đã thế chấp một số khoản phải thu để đảm bảo các khoản vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (tiếp theo)

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Dokumental GmbH & Co. KG Schreibfarben	4.430.814.081	1.841.358.009
Nguyễn Thị Anh Đào	-	9.764.880.000
Khác	12.102.699.174	9.259.423.866
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>16.533.513.255</b>	<b>20.865.661.875</b>

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Ngắn hạn		
Tạm ứng nhân viên	2.426.227.601	1.782.723.026
Đặt cọc, ký quỹ	1.234.447.621	1.228.075.287
Khác	2.426.057.624	1.813.717.532
	<b>6.086.732.846</b>	<b>4.824.515.845</b>
Dài hạn		
Đặt cọc, ký quỹ	2.231.130.852	2.469.355.128
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>8.317.863.698</b>	<b>7.293.870.973</b>

7. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Nguyên liệu, vật liệu	145.000.323.044	154.792.635.143
Thành phẩm	143.428.369.523	175.385.738.332
Hàng hóa	57.251.385.273	56.447.974.992
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	42.501.235.323	35.671.628.606
Hàng mua đang đi trên đường	31.481.478.413	22.883.335.660
Công cụ, dụng cụ	1.669.786.708	2.049.064.088
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>421.332.578.284</b>	<b>447.230.376.821</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(21.114.909.287)	(26.935.996.433)
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>	<b>400.217.668.997</b>	<b>420.294.380.388</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

**7. HÀNG TỒN KHO**

*Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:*

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015</i>
Số đầu kỳ	(26.935.996.433)	(24.342.989.782)
Dự phòng trích lập trong kỳ	(8.390.946.418)	(19.437.050.635)
Sử dụng khoản dự phòng trong kỳ	14.212.033.564	14.738.959.162
Số cuối kỳ	<u>(21.114.909.287)</u>	<u>(29.041.081.255)</u>

Như được trình bày trong Thuyết minh số 16, Tập đoàn đã thế chấp một số hàng tồn kho để đảm bảo các khoản vay ngân hàng.

**8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Chi phí quảng cáo và tiếp thị	4.734.472.000	1.071.555.000
Công cụ, dụng cụ	1.130.794.926	302.100.499
Bảo hiểm sức khỏe và tài sản	717.617.925	401.381.186
Chi phí thuế	441.154.634	415.160.000
Khác	889.952.185	1.246.134.598
	<u><b>7.913.991.670</b></u>	<u><b>3.436.331.283</b></u>
<b>Dài hạn</b>		
Tiền thuê đất trả trước	11.968.500.841	79.254.079.371
Công cụ, dụng cụ	3.202.500.198	3.304.162.982
Khác	712.148.370	456.852.315
	<u><b>15.883.149.409</b></u>	<u><b>83.015.094.668</b></u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>23.797.141.079</b></u>	<u><b>86.451.425.951</b></u>

18  
GT  
PH  
P Đ  
IÊN  
TÂN

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

						VND
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản có định khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	132.808.202.946	187.145.809.935	22.256.522.072	10.416.478.562	116.945.466.877	469.572.480.392
Mua trong kỳ	41.904.660	41.170.050.938	13.123.115.454	2.659.450.000	3.399.684.889	60.394.205.941
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	4.072.729.353	1.588.679.097	-	-	1.322.875.921	6.984.284.371
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.233.858.717)	(1.318.611.369)	-	(957.009.897)	(4.509.479.983)
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2016	136.922.836.959	227.670.681.253	34.061.026.157	13.075.928.562	120.711.017.790	532.441.490.721
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	676.192.377	77.560.537.274	10.947.455.111	4.904.888.406	78.431.838.392	172.520.911.560
<b>Giá trị khấu hao lũy kế</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	(41.054.135.993)	(138.715.497.128)	(16.203.530.746)	(8.555.144.102)	(99.676.902.423)	(304.205.210.392)
Khấu hao trong kỳ	(4.521.886.870)	(13.637.819.518)	(2.076.230.185)	(1.741.709.522)	(6.526.593.300)	(28.504.239.395)
Thanh lý, nhượng bán	-	1.837.446.651	1.318.611.369	-	768.817.899	3.924.875.919
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2016	(45.576.022.863)	(150.515.869.995)	(16.961.149.562)	(10.296.853.624)	(105.434.677.824)	(328.784.573.868)
<b>Giá trị còn lại</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	91.754.066.953	48.430.312.807	6.052.991.326	1.861.334.460	17.268.564.454	165.367.270.000
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2016	91.346.814.096	77.154.811.258	17.099.876.595	2.779.074.938	15.276.339.966	203.656.916.853
Trong đó:						
Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 16)	49.680.459.256	31.642.843.182	-	24.065.106	2.123.369.984	83.470.737.528

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

**10. TÀI SẢN VÔ HÌNH**

					VND
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Bản quyền, bằng sáng chế</i>	<i>Khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	9.847.625.000	40.273.419.426	367.000.000	115.978.400	50.604.022.826
Mua trong kỳ	59.888.350.067	1.835.875.000	-	-	61.724.225.067
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2016	<u>69.735.975.067</u>	<u>42.109.294.426</u>	<u>367.000.000</u>	<u>115.978.400</u>	<u>112.328.247.893</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	4.616.158.733	367.000.000	115.978.400	5.099.137.133
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	(1.175.864.496)	(16.352.257.811)	(367.000.000)	(115.978.400)	(18.011.100.707)
Hao mòn trong kỳ	-	(4.155.020.849)	-	-	(4.155.020.849)
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2016	<u>(1.175.864.496)</u>	<u>(20.507.278.660)</u>	<u>(367.000.000)</u>	<u>(115.978.400)</u>	<u>(22.166.121.556)</u>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	<u>8.671.760.504</u>	<u>23.921.161.615</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>32.592.922.119</u>
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2016	<u>68.560.110.571</u>	<u>21.602.015.766</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>90.162.126.337</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Tài sản sử dụng để thế chấp     (Thuyết minh số 16)</i>	8.671.760.504	-	-	-	8.671.760.504

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Khuôn đang chế tạo	4.872.457.605	1.704.801.002
Thiết bị đang lắp đặt	1.770.554.543	596.771.566
Chi phí duy tu văn phòng	50.869.650	4.204.262.664
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.693.881.798</b>	<b>6.505.835.232</b>

**12. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	30.685.000.000	30.685.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(10.515.189.376)	(10.515.189.376)
<b>ĐẦU TƯ THUẬN</b>	<b>20.169.810.624</b>	<b>20.169.810.624</b>

Chi tiết các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Ngày 30 tháng 9 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015	
	Cổ phiếu	VND	Cổ phiếu	VND
Công ty Cổ phần Địa ốc Kinh Đô	200.000	25.000.000.000	200.000	25.000.000.000
Quỹ đầu tư Chứng khoán Sài Gòn A2	500.000	3.565.000.000	500.000	3.565.000.000
Công ty Cổ phần Chip Sáng	152.000	1.520.000.000	152.000	1.520.000.000
Công ty Cổ phần In số 7	75.000	600.000.000	75.000	600.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>30.685.000.000</b>		<b>30.685.000.000</b>

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	VND Ngày 30 tháng 9 năm 2016
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 25.1)	8.765.725.280	55.039.386.309	(41.225.762.240)	22.579.349.349
Thuế thu nhập cá nhân	983.202.073	17.502.978.664	(17.129.519.189)	1.356.661.548
Thuế nhập khẩu	2.579.777.498	14.491.038.553	(16.315.780.243)	755.035.808
Thuế GTGT	4.498.473.804	151.700.840.962	(155.505.106.205)	694.208.561
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>16.827.178.655</b>	<b>238.734.244.488</b>	<b>(230.176.167.877)</b>	<b>25.385.255.266</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

**14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Lương tháng 13 và lương hiệu quả	35.808.736.890	21.655.469.209
Chi phí tiếp thị và quảng cáo	28.881.390.326	1.382.352.356
Khác	13.859.286.878	11.397.870.574
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>78.549.414.094</u></b>	<b><u>34.435.692.139</u></b>

**15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Kinh phí công đoàn	2.062.489.886	1.599.529.839
Cổ tức phải trả	35.978.625	29.505.649.225
Khác	2.456.921.537	1.966.376.830
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>4.555.390.048</u></b>	<b><u>33.071.555.894</u></b>
<i>Trong đó</i>		
<i>Phải trả bên khác</i>	4.555.390.048	17.616.201.894
<i>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 26)</i>	-	15.455.354.000

**16. VAY**

	VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
<b>Ngắn hạn</b>		
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 16.1)	156.680.824.692	189.344.483.214
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 16.2)	5.302.647.600	9.677.647.600
	<b><u>161.983.472.292</u></b>	<b><u>199.022.130.814</u></b>
<b>Dài hạn</b>		
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 16.2)	21.082.005.862	43.881.628.801
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>183.065.478.154</u></b>	<b><u>242.903.759.615</u></b>



# Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

## 16. VAY (tiếp theo)

### 16.1 Các khoản vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 9	Giá trị	Thời hạn trả nợ	Lãi suất (Thuyết minh số 5.1, 7, 8, 9, và 10) (%/năm)	Hình thức đảm bảo
	năm 2016	nguyên tệ			
	VND	Đó la Mỹ			
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn	53.296.631.172	-	Từ ngày 10 tháng 10 năm 2016 đến ngày 28 tháng 02 năm 2017	5,20 - 5,30	Quyền sử dụng đất, nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, thiết bị văn phòng
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn	36.467.063.540	-	Từ ngày 03 tháng 10 năm 2016 đến ngày 28 tháng 02 năm 2017	5,00	Quyền sử dụng đất, nhà cửa, vật kiến trúc
	12.343.588.740	-	Từ ngày 07 tháng 10 năm 2016 đến ngày 28 tháng 03 năm 2017	5,00	Quyền sử dụng đất
Ngân hàng Trách nhiệm Hữu hạn Một Thành viên HSBC Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	19.018.951.471	852.508	Từ ngày 25 tháng 11 năm 2016 đến ngày 27 tháng 01 năm 2017	1,80	Khoản phải thu, thành phẩm, nhà cửa và vật kiến trúc
	12.415.305.310	-	Từ ngày 14 tháng 11 năm 2016 đến ngày 24 tháng 01 năm 2017	4,00	
Ngân hàng United Oversea Việt Nam	4.480.208.799	200.771	Từ ngày 05 tháng 10 năm 2016	1,80	Tin chấp
	4.054.866.344	-	Từ ngày 14 tháng 12 năm 2016 đến ngày 27 tháng 12 năm 2016	4,00 - 4,10	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Biên Hòa	6.696.136.737	299.761	Từ ngày 11 tháng 10 năm 2016 đến ngày 28 tháng 02 năm 2017	2,00	Hàng tồn kho
	7.908.072.579	-	Từ ngày 10 tháng 10 năm 2016 đến ngày 26 tháng 02 năm 2017	5,00	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>156.680.824.692</b>	<b>1.353.040</b>			

Tập đoàn sử dụng tiền vay nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu vốn lưu động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

16. VAY (tiếp theo)

16.2 Các khoản vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 9 năm 2016 VND	Thời hạn trả nợ	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo (Thuyết minh số 9)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn	14.582.290.701	16 lần hàng quý từ ngày 25 tháng 9 năm 2015 đến ngày 25 tháng 6 năm 2019	9,00	Máy móc thiết bị
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Biên Hòa	11.802.362.761	Ngày 10 tháng 6 năm 2019	7,00	Tài sản hình thành từ khoản vay
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>26.384.653.462</u></b>			
<i>Trong đó:</i>				
Vay dài hạn đến hạn trả	5.302.647.600			
Vay dài hạn	21.082.005.862			

Tập đoàn sử dụng tiền vay đáp ứng mục đích mua sắm và lắp đặt tài sản cố định.

17. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn là trợ cấp thôi việc phải trả như được trình bày trong Thuyết minh số 3.11.

18  
19  
PH  
20  
21  
22  
23

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<i>VND</i>					
<b>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	267.924.260.000	128.217.023.000	63.550.321.702	272.482.094.694	732.173.699.396
Phát hành cổ phiếu	26.790.380.000	-	-	(26.790.380.000)	-
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	167.553.239.397	167.553.239.397
Cổ tức công bố	-	-	-	(40.188.639.000)	(40.188.639.000)
Phân phối lợi nhuận	-	-	14.739.775.796	(14.739.775.796)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(23.688.093.249)	(23.688.093.249)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	(4.215.000.000)	(4.215.000.000)
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2015	<u>294.714.640.000</u>	<u>128.217.023.000</u>	<u>78.290.097.498</u>	<u>330.413.446.046</u>	<u>831.635.206.544</u>
<b>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	294.714.640.000	128.217.023.000	78.290.097.498	320.421.728.974	821.643.489.472
Phát hành cổ phiếu (*)	88.412.080.000	-	-	(88.412.080.000)	-
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	214.062.512.623	214.062.512.623
Cổ tức công bố	-	-	-	(38.312.672.000)	(38.312.672.000)
Phân phối lợi nhuận	-	-	18.785.798.000	(18.785.798.000)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(35.422.850.385)	(35.422.850.385)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	(5.285.499.000)	(5.285.499.000)
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2016	<u>383.126.720.000</u>	<u>128.217.023.000</u>	<u>97.075.895.498</u>	<u>348.265.342.212</u>	<u>956.684.980.710</u>

(\*) Vào ngày 05 tháng 02 năm 2016, Công ty đã phát hành 8.841.208 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Việc phát hành đã được phê duyệt thông qua Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông số 01/2016/NQ/ĐHCD ngày 4 tháng 1 năm 2016 và đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh ngày 21 tháng 3 năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**18.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	VND	
	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015
<b>Vốn cổ phần đã góp</b>		
Số đầu kỳ	294.714.640.000	267.924.260.000
Tăng trong kỳ	88.412.080.000	26.790.380.000
Số cuối kỳ	383.126.720.000	294.714.640.000
<b>Cổ tức công bố</b>		
Cổ tức thanh toán bằng tiền	(38.312.672.000)	(40.188.639.000)
Cổ tức đã trả	(67.782.342.600)	(53.572.572.775)

**18.3 Vốn cổ phần**

	Ngày 30 tháng 9 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
	Số lượng	Số lượng
Cổ phiếu được phép phát hành	38.312.672	29.471.464
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ Cổ phiếu phổ thông	38.312.672	29.471.464
Cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	38.312.672	29.471.464

**19. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu được tính toán như sau:

	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015
Lợi nhuận sau thuế (VND)	214.062.512.623	167.553.239.397
Trừ: Quỹ khen thưởng phúc lợi (VND) (*)	(25.687.501.515)	(16.755.323.940)
<b>Lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)</b>	<b>188.375.011.108</b>	<b>150.797.915.457</b>
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu) (**)	38.312.672	38.312.672
<b>Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>4.917</b>	<b>3.936</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

19. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU (tiếp theo)

(\*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến trích lập với tỷ lệ 12% lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 vào ngày 21 tháng 5 năm 2016.

(\*\*) Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015 đã được điều chỉnh để phản ánh việc phát hành 8.841.208 cổ phiếu mới dưới hình thức chia cổ tức bằng cổ phiếu vào ngày 21 tháng 3 năm 2016.

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất trong kỳ.

20. DOANH THU

20.1 Doanh thu bán hàng

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015</i>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>1.661.578.135.643</b>	<b>1.440.105.911.559</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	<i>1.286.124.599.718</i>	<i>1.104.961.884.904</i>
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	<i>375.453.535.925</i>	<i>335.144.026.655</i>
<b>Các khoản giảm trừ</b>	<b>(8.912.843.693)</b>	<b>(17.254.988.667)</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Thành phẩm bị trả lại</i>	<i>(7.344.171.658)</i>	<i>(14.869.610.373)</i>
<i>Hàng hóa bị trả lại</i>	<i>(1.568.672.035)</i>	<i>(2.385.378.294)</i>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>1.652.665.291.950</u></b>	<b><u>1.422.850.922.892</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	<i>1.278.780.428.060</i>	<i>1.090.092.274.531</i>
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	<i>373.884.863.890</i>	<i>332.758.648.361</i>

20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015</i>
Lãi tiền gửi ngân hàng	10.805.520.918	9.068.390.818
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.296.621.201	3.207.076.993
Cổ tức được chia	150.003.000	115.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>13.252.145.119</u></b>	<b><u>12.390.467.811</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

**21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015</i>
Lãi tiền vay	8.340.520.475	7.988.895.118
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.067.118.027	4.605.570.935
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	371.096.715
Trích lập dự phòng các khoản đầu tư	-	259.612.096
Khác	327.766.177	232.449.011
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>11.735.404.679</b>	<b>13.457.623.875</b>

**22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015</i>
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>231.650.892.925</b>	<b>202.791.896.979</b>
- Chi phí nhân viên	125.830.162.427	108.338.225.605
- Chi phí tiếp thị và hội chợ	58.035.147.998	49.669.878.383
- Chi phí khấu hao	875.282.159	1.255.426.762
- Khác	46.910.300.341	43.528.366.229
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>167.180.544.239</b>	<b>132.033.970.342</b>
- Chi phí nhân viên	111.086.330.777	85.433.952.772
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.713.197.799	31.778.425.280
- Chi phí khấu hao	11.633.370.881	9.176.548.652
- Khác	10.747.644.782	5.645.043.638
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>398.831.437.164</b>	<b>334.825.867.321</b>

**23. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015</i>
<b>Thu nhập khác</b>	<b>4.874.691.591</b>	<b>4.001.358.117</b>
Thu bồi thường nguyên liệu hư hỏng	964.765.975	883.004.876
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	851.322.300	-
Nhận chiết khấu mua hàng từ kỳ trước	219.185.292	1.506.526.090
Khác	2.839.418.024	1.611.827.151
<b>Chi phí khác</b>	<b>(974.855.352)</b>	<b>(3.841.755.716)</b>
Chi phí thanh lý tài sản cố định	-	(3.397.288.696)
Khác	(974.855.352)	(444.467.020)
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>	<b>3.899.836.239</b>	<b>159.602.401</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

**24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015</i>
Chi phí nguyên vật liệu và hàng hóa	765.471.474.197	704.017.168.198
Chi phí nhân công	373.263.919.190	308.360.197.686
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	32.136.600.367	29.318.108.060
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	199.794.193.094	178.902.708.708
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.370.666.186.848</u></b>	<b><u>1.220.598.182.652</u></b>

**25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") của Tập đoàn là 20% (2015: 22%) thu nhập chịu thuế, ngoại trừ Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thiên Long Long Thành ("TLLT") như được trình bày ở đoạn tiếp theo.

TLLT có nghĩa vụ nộp thuế TNDN ở mức thuế suất 15% thu nhập chịu thuế trong mười hai (12) năm đầu tiên và thuế suất thông thường cho những năm tiếp theo, theo quy định hiện hành. TLLT được miễn thuế TNDN trong ba (3) năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có thu nhập chịu thuế (2010), và được giảm 50% thuế TNDN trong bảy (7) năm tiếp theo.

Các báo cáo thuế của Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất trong kỳ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

**25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**25.1 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của kỳ kế toán khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận trước thuế và thu nhập chịu thuế:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015</i>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>263.906.737.019</b>	<b>217.271.082.807</b>
<i>Điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận kế toán</i>		
Thay đổi chi phí phải trả	24.501.961.371	18.012.020.291
Các chi phí không được khấu trừ	4.022.143.283	2.740.323.220
Thay đổi dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.356.948.073	6.520.477.690
Thay đổi lợi nhuận chưa thực hiện	2.114.424.887	(10.534.651.745)
Thay đổi dự phòng trợ cấp thôi việc	1.501.465.300	1.440.853.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(68.493.391)	(20.135.167)
Cổ tức nhận được	(150.003.000)	(115.000.000)
Thay đổi dự phòng phải thu khó đòi	(216.246.500)	540.542.974
Chi phí phân bổ	(4.314.380.000)	-
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính kỳ hiện hành chưa căn trừ lỗ kỳ trước chuyển sang</b>	<b>293.654.557.042</b>	<b>235.855.513.070</b>
Lỗ kỳ trước chuyển sang	(17.960.677.381)	(687.712.875)
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính kỳ hiện hành sau căn trừ lỗ kỳ trước chuyển sang</b>	<b>275.693.879.661</b>	<b>235.167.800.195</b>
<b>Thuế TNDN ước tính kỳ hiện hành</b>	<b>54.780.870.642</b>	<b>51.736.916.043</b>
Thuế TNDN được giảm trừ	(536.857.937)	(608.821.098)
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu (thừa) kỳ trước	795.373.604	(12.773.303)
<b>Thuế TNDN kỳ hiện hành</b>	<b>55.039.386.309</b>	<b>51.115.321.642</b>
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	8.765.725.280	8.992.262.796
Thuế TNDN nộp thừa đầu kỳ	(3.800.308.423)	(3.800.308.423)
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(41.225.762.240)	(38.618.656.765)
<b>Thuế TNDN phải trả cuối kỳ</b>	<b>18.779.040.926</b>	<b>17.688.619.250</b>
<i>Trong đó:</i>		
Thuế TNDN phải nộp	22.579.349.349	19.903.116.952
Thuế TNDN nộp thừa	(3.800.308.423)	(2.214.497.702)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

25.2 Thuế TNDN hoãn lại

Tập đoàn đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong kỳ này và kỳ trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015
	VND			
Lợi nhuận chưa thực hiện	12.349.364.806	11.922.929.343	426.435.463	(3.732.144.031)
Chi phí phải trả	7.677.880.694	2.777.488.419	4.900.392.275	3.936.690.213
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	5.293.427.953	4.805.562.860	487.865.093	1.112.491.781
Dự phòng trợ cấp thôi việc	4.480.619.020	4.180.325.960	300.293.060	(31.042.600)
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	18.751.891	62.001.191	(43.249.300)	112.980.476
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4.107.033	17.805.711	(13.698.678)	(1.497.607)
Chi phí phân bổ	-	862.876.000	(862.876.000)	-
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>29.824.151.397</b>	<b>24.628.989.484</b>		
<b>Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại</b>			<b>5.195.161.913</b>	<b>1.397.478.232</b>

25.3 Thuế TNDN hoãn lại chưa được ghi nhận đối với lỗ kỳ trước chuyển sang

Tập đoàn được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với thu nhập chịu thuế thu được trong vòng năm năm kể từ năm phát sinh khoản lỗ đó. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn có khoản lỗ lũy kế của các công ty con trị giá 4.444.840.547 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 22.451.452.630 VND) có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	VND	
			Đã chuyển lỗ đến ngày 30 tháng 9 năm 2016	Chưa chuyển lỗ tại ngày 30 tháng 9 năm 2016
2011	2016	3.281.933.325	(3.281.933.325)	-
2012	2017	2.331.630.428	(969.005.452)	1.362.624.976
2013	2018	602.579.522	-	602.579.522
2015	2020	17.762.833.412	(15.283.197.363)	2.479.636.049
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>23.978.976.687</b>	<b>(19.534.136.140)</b>	<b>4.444.840.547</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

**25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**25.3 Thuế TNDN hoãn lại chưa được ghi nhận đối với lỗ kỳ trước chuyển sang (tiếp theo)**

Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của các công ty con chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất trong kỳ này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận cho giá trị lỗ lũy kế còn lại trị giá 4.444.840.547 VND của các công ty con do chưa thể dự tính được thu nhập chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.

**26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Chi tiết tiền thù lao và tiền thưởng cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát trong kỳ như sau:

	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015
Thù lao và các chi phí liên quan	5.285.499.000	4.215.000.000

Nghiệp vụ trọng yếu với bên liên quan trong kỳ như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015
			Giá trị (VND)	Giá trị (VND)
Công ty Cổ phần Đầu tư Thiên Long An Thịnh	Cổ đông lớn	Cổ tức công bố	35.547.314.000	21.075.483.000

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, khoản phải trả với bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 9 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
				VND
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>				
Công ty Cổ phần Đầu tư Thiên Long An Thịnh	Cổ đông lớn	Cổ tức phải trả	-	15.455.354.000



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

**27. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Tập đoàn là sản xuất và kinh doanh văn phòng phẩm. Ngoài ra, hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn không bị tác động bởi những khác biệt về sản phẩm mà Tập đoàn sản xuất hoặc do Tập đoàn hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Tập đoàn chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý, và theo đó, thông tin theo bộ phận không được trình bày.

**28. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Tập đoàn hiện đang thuê văn phòng và nhà kho theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Đến 1 năm	2.357.131.043	10.160.529.640
Từ 1 đến 5 năm	9.958.877.535	9.283.857.432
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>12.316.008.578</b>	<b>19.444.387.072</b>


**29. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất trong kỳ.

  
Bùi Thị Cẩm Loan  
Người lập

  
Hồ Ngọc Cảnh  
Kế toán trưởng



  
Võ Văn Thành Nghĩa  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 10 năm 2016